

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Hà Nội - Tháng 8 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 30

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần X20 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 03 tháng 01 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: X20 Joint Stock Company, tên viết tắt là: GATEXCO 20.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Đô	Chủ tịch
	Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch
	Ông Hà Chí Khoa	Ủy viên
	Bà Tô Thị Kim Tuyến	Ủy viên
	Ông Phạm Văn Đông	Ủy viên
	Ông Chu Văn Đệ	Ủy viên
	Ông Đỗ Thanh Tùng	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
	Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Hoàng Sơn	Giám đốc điều hành

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán các đơn vị hạch toán độc lập của Công ty gồm: Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp May 20B; Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp may Bình Minh; Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp dệt Nam Định đã chuyển đổi hình thức sở hữu trong tháng 7/2017 thành các Công ty TNHH MTV do Công ty Cổ phần X20 sở hữu 100% giá trị Vốn điều lệ, và bắt đầu đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty con. Theo nhận định của Hội đồng Quản trị, ngoài sự việc trên và xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị Công ty

Phạm Văn Đô
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Số: 746/2017/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
của Công ty Cổ phần X20

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần X20

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2017, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu B 01 a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		532.666.066.170	465.329.935.064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	56.889.086.352	23.844.073.898
1. Tiền	111		46.889.086.352	23.844.073.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		167.596.673.785	204.338.617.629
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	106.952.625.370	147.031.212.811
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	30.045.433.482	37.745.015.780
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	30.598.614.933	19.562.389.038
IV. Hàng tồn kho	140		302.087.632.948	234.191.471.216
1. Hàng tồn kho	141	5.4	303.965.837.520	239.164.305.326
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.4	(1.878.204.572)	(4.972.834.110)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.092.673.085	2.955.772.321
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	4.061.119.203	2.955.772.321
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.6	1.781.226.256	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.6	250.327.626	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		229.452.186.113	226.268.050.798
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		194.789.127.417	194.071.909.575
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	189.235.333.427	188.584.593.232
- Nguyên giá	222		422.218.071.443	416.758.012.088
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(232.982.738.016)	(228.173.418.856)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	5.553.793.990	5.487.316.343
- Nguyên giá	228		12.155.336.916	12.155.336.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.601.542.926)	(6.668.020.573)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.635.221.635	22.054.103.944
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	27.635.221.635	22.054.103.944
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.659.000.000	1.659.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	1.659.000.000	1.659.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.368.837.061	8.483.037.279
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	5.368.837.061	8.483.037.279
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		762.118.252.283	691.597.985.862

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		512.679.419.310	431.156.500.999
I. Nợ ngắn hạn	310		511.879.419.310	430.656.500.999
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	122.129.927.534	102.677.839.906
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	15.386.582.172	305.506.317
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.942.873.741	7.532.876.460
4. Phải trả người lao động	314		8.062.964.717	38.293.836.660
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	18.934.653.755	4.779.138.352
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	69.925.389.035	63.936.688.497
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	31.196.933.325	20.858.487.962
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	240.000.000.000	191.310.313.024
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	1.313.778.222	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.986.316.809	961.813.821
II. Nợ dài hạn	330		800.000.000	500.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	800.000.000	500.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		249.438.832.973	260.441.484.863
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	249.438.832.973	260.441.484.863
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.635.639.925	54.992.472.219
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.303.193.048	32.949.012.644
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.733.174.994	3.585.658.519
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.570.018.054	29.363.354.125
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		762.118.252.283	691.597.985.862

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Hoàng Thị Thùy Linh

Tô Thị Kim Tuyến

Phạm Văn Đô

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	426.747.941.748	471.728.087.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	426.747.941.748	471.728.087.582
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	372.569.551.449	413.073.656.622
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		54.178.390.299	58.654.430.960
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	265.795.337	1.468.714.335
7. Chi phí tài chính	22	5.22	429.874.252	7.509.211
8. Chi phí bán hàng	24	5.23	8.097.503.040	7.978.831.849
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	27.606.804.902	33.327.256.482
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		18.310.003.442	18.809.547.753
11. Thu nhập khác	31	5.24	873.252.684	285.342.765
12. Chi phí khác	32	5.24	920.449.212	120.252.896
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(47.196.528)	165.089.869
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		18.262.806.914	18.974.637.622
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.692.788.860	1.219.036.877
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		16.570.018.054	17.755.600.745

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Hoàng Thị Thùy Linh

Tô Thị Kim Tuyến

Phạm Văn Đô

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		18.262.806.914	18.974.637.622
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		12.604.309.179	16.539.695.599
- Các khoản dự phòng	03		(2.989.364.911)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.947	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(258.749.874)	(1.568.277.866)
- Chi phí lãi vay	06		410.295.271	-
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		28.029.298.526	33.946.055.355
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		31.931.980.346	(35.585.161.717)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(64.801.532.194)	(80.500.181.364)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		18.860.790.510	31.481.614.067
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.008.853.336	173.272.055
- Tiền lãi vay đã trả	14		(410.295.271)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.382.188.719)	(9.067.443.582)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.892.242.817	55.690.909
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.729.469.630)	1.434.673.527
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		11.399.679.721	(58.061.480.750)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21.710.058.770)	(35.493.208.754)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	81.400.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		258.749.874	1.348.781.612
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(21.451.308.896)	(34.063.027.142)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		156.605.016.423	100.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(107.915.329.447)	(42.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.593.043.400)	(6.040.713.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		43.096.643.576	51.959.287.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		33.045.014.401	(40.165.220.892)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.844.073.898	145.435.569.269
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.947)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	56.889.086.352	105.270.348.377

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Hoàng Thị Thùy Linh

Tô Thị Kim Tuyến

Phạm Văn Đô

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 03 tháng 01 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: X20 Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: GATEXCO 20.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ bảy (07) là: 172.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Vốn góp của Nhà nước	12.371.190	123.711.900.000	71,72%
Vốn góp của Cán bộ, CNV Công ty	3.185.510	31.855.100.000	18,47%
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	500.000	5.000.000.000	2,9%
Vốn góp của các cổ đông khác	1.193.300	11.933.000.000	6,92%
Tổng	17.250.000	172.500.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong kỳ: 2.507 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất giày dép; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn; Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện và các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác; Sản xuất phao cứu sinh; Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao); Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy); Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại khác; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... Sản xuất bàn chải giấy, quần áo; Sản xuất găng tay; Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; Sản xuất tàu hút xi gà; Sản xuất các sản phẩm cho con người: tàu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; Hoạt động nuôi bông thú; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, tuyển chọn và cung cấp nhân sự cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động); Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quyền tác giả và giống cây trồng (không bao gồm dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp); Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo (theo quy định của pháp luật hiện hành); Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng; Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Kinh doanh ô tô, xe máy; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may./.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: May trang phục; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Công ty có các Chi nhánh hạch toán độc lập:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp May 20B: Số 4 Lê Hồng Phong, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp may 20C: số 1 Tuệ Tĩnh, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp may Bình Minh: xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp dệt Nam Định: Lô 1 Khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định;

Các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của Công ty:

- Xí nghiệp Thương mại: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội;
- Xí nghiệp May 3: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội;
- Xí nghiệp Dệt kim: Phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội.
- Xí nghiệp Đo may Quân đội: Phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Vietcombank tại ngày 30/06/2017.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietcombank tại ngày 30/06/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá – 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
30/06/2017	Ngân hàng Vietcombank	22.700 VND/USD	22.770 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)**

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung thông tư Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị Quyền sử dụng lâu dài tại Xí nghiệp may 20B theo Giấy chứng nhận số B.330747 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 28/10/1994; Quyền sử dụng đất lâu dài tại lô đất số 1 ngách 64/3 Phan Đình Giót theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT-DA00084 cấp ngày 25/02/2016 do Sở tài nguyên môi trường Hà Nội cấp ngày 25/12/2016. Phần mềm kế toán máy được Công ty khấu hao theo đường thẳng trong thời gian 03 năm và TSCĐ vô hình khác (chi phí san lấp để có mặt bằng thuê đất tại Nam Định và tại Xí nghiệp 20B),

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian (Số năm)
Nhà, xưởng và vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03
Tài sản cố định hữu hình khác	03

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Căn cứ theo quyết định số 2702/2004/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ngày 25/10/2004 về việc ban hành chi tiết việc tiếp tục thực hiện cơ chế khuyến khích đầu tư vào khu công nghiệp Hòa Xá. Công ty được miễn thuế trong 2 năm và miễn giảm 50% thuế TNDN trong 6 năm tiếp theo khi xác định chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại Xí nghiệp dệt Nam Định.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	2.676.013.564	4.940.269.879
Tiền gửi ngân hàng	44.213.072.788	18.903.804.019
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
Tổng	56.889.086.352	23.844.073.898

5.2 Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	106.952.625.370	147.031.212.811
<i>Pro Sport (HK) Limited</i>	<i>11.532.990.798</i>	<i>8.098.704.403</i>
<i>Cục Quân nhu</i>	<i>47.731.925.684</i>	<i>89.560.861.387</i>
<i>Poongshin Co., LTD</i>	<i>1.709.006.546</i>	<i>1.802.562.541</i>
<i>Tổng Công ty Đức Giang - CTCP</i>	<i>3.447.363.485</i>	<i>4.050.329.752</i>
<i>Công ty TNHH một thành viên dệt may 7</i>	<i>7.780.492.903</i>	-
<i>BTL Bảo vệ lăng HCM</i>	<i>2.059.845.330</i>	-
<i>Công ty TNHH SX và KD nguyên liệu may VN</i>	-	<i>4.567.044.161</i>
<i>Tổng cục kỹ thuật BQP</i>	<i>3.225.550.400</i>	-
<i>Công ty TNHH PBH Việt Nam</i>	<i>1.348.700.017</i>	<i>4.101.347.065</i>
<i>Công ty Cổ phần 199</i>	-	<i>4.550.923.792</i>
<i>Công ty TNHH MTV Dệt May Sơn Thành</i>	<i>735.500.893</i>	<i>1.550.264.987</i>
<i>Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28</i>	<i>1.431.418.000</i>	<i>8.398.021.518</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>25.949.831.314</i>	<i>20.351.153.205</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	30.045.433.482	37.745.015.780
<i>Công ty CP Nồi hơi Bách Khoa</i>	<i>2.112.007.213</i>	<i>3.482.863.930</i>
<i>Công ty CP tư vấn và Xây dựng ETA</i>	<i>3.226.521.076</i>	<i>3.427.581.755</i>
<i>Công ty CP xây dựng hạ tầng Nam Định</i>	<i>18.901.744.607</i>	<i>18.487.423.707</i>
<i>Công ty CP đầu tư và xây lắp Thành An 386</i>	<i>81.757.099</i>	<i>2.727.529.601</i>
<i>Công ty TNHH xây dựng Hùng Long</i>	-	<i>1.123.853.760</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>5.723.403.487</i>	<i>8.495.763.027</i>
Tổng	136.998.058.852	184.776.228.591

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.3 Phải thu khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	30.598.614.933	-	19.562.389.038	-
- Ký cược, ký quỹ	54.000.000	-	1.988.580.735	-
- Tạm ứng	4.073.092.188	-	1.327.975.728	-
- Phải thu khác	13.851.363.273	-	9.991.025.280	-
<i>Công ty TNHH SX và XNH</i>				
<i>Thanh Xuân (Khoản đầu tư máy in hoa và thiết bị phụ trợ)</i>	<i>5.100.000.000</i>	<i>-</i>	<i>5.100.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Thuế nhập khẩu hàng FOB chờ khấu trừ</i>	<i>3.693.877.176</i>	<i>-</i>	<i>3.693.877.176</i>	<i>-</i>
<i>Trường mầm non (các khoản thu nộp hộ)</i>	<i>3.152.756.659</i>	<i>-</i>	<i>1.171.019.214</i>	<i>-</i>
<i>Bộ tham mưu - TCHC</i>	<i>1.904.729.438</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Bảo hiểm y tế</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>17.650.973</i>	<i>-</i>
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>8.477.917</i>	<i>-</i>
Phải thu đối tượng khác	12.620.159.472	-	6.254.807.295	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	30.598.614.933	-	19.562.389.038	-

5.4 Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	90.295.605.592	(1.878.204.572)	77.105.576.737	(4.972.834.110)
Công cụ, dụng cụ	245.163.405	-	543.653.604	-
Chi phí SX KDDD	132.751.962.591	-	94.126.918.843	-
Thành phẩm	64.658.412.234	-	63.448.401.581	-
Hàng hóa	15.924.380.168	-	3.852.193.979	-
Hàng gửi bán	90.313.530	-	87.560.582	-
Tổng	303.965.837.520	(1.878.204.572)	239.164.305.326	(4.972.834.110)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.5 Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	4.061.119.203	2.955.772.321
Chi phí cải tạo, sửa chữa, trồng mới cây và các chi phí khác chờ phân bổ.	4.061.119.203	2.955.772.321
Dài hạn	5.368.837.061	8.483.037.279
Chi phí công cụ dụng cụ	3.750.294.026	6.308.488.217
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.618.543.035	2.174.549.062
Tổng	9.429.956.264	11.438.809.600

5.6 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	01/01/2017	Số được khấu trừ/ Phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong kỳ	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Phải thu	-	39.209.091.444	41.240.645.326	2.031.553.882
Thuế giá trị gia tăng	-	39.209.091.444	40.990.317.700	1.781.226.256
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	222.268.664	222.268.664
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	28.058.962	28.058.962

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	196.679.194.665	190.715.573.661	18.498.522.273	4.673.363.363	6.191.358.126	416.758.012.088
Tăng trong kỳ	19.727.282.353	11.929.234.204	2.864.968.649	693.418.000	-	35.214.903.206
Mua trong kỳ	3.425.208.586	2.146.317.000	-	246.929.000	-	5.818.454.586
XDCB hoàn thành	12.211.828.350	-	-	-	-	12.211.828.350
Nhận điều chuyển nội bộ	3.201.784.546	9.782.917.204	1.884.968.649	311.509.000	-	15.181.179.399
Phân loại lại	888.460.871	-	980.000.000	134.980.000	-	2.003.440.871
Giảm trong kỳ	11.558.294.290	13.471.890.093	4.413.150.468	311.509.000	-	29.754.843.851
Thanh lý, nhượng bán	-	2.754.742.567	-	-	-	2.754.742.567
Điều chuyển nội bộ	2.995.482.220	8.848.686.655	2.374.968.649	311.509.000	-	14.530.646.524
Điều chuyển về tổng cục	-	-	2.038.181.819	-	-	2.038.181.819
Phân loại lại	269.960.000	1.868.460.871	-	-	-	2.138.420.871
Loại khỏi biên chế	8.292.852.070	-	-	-	-	8.292.852.070
Số dư tại 30/06/2017	204.848.182.728	189.172.917.772	16.950.340.454	5.055.272.363	6.191.358.126	422.218.071.443
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2017	81.050.454.402	131.922.606.050	12.201.680.755	1.821.142.684	1.177.534.965	228.173.418.856
Tăng trong kỳ	8.098.255.387	8.393.133.689	2.459.795.171	569.779.563	-	19.520.963.810
Khấu hao trong kỳ	6.038.877.859	5.435.837.143	574.826.522	481.560.302	-	12.531.101.826
Tăng khác	-	-	-	88.219.261	-	88.219.261
Điều chuyển nội bộ	2.059.377.528	2.957.296.546	1.884.968.649	-	-	6.901.642.723
Giảm trong kỳ	6.925.703.166	5.805.543.095	1.948.420.826	31.977.563	-	14.711.644.650
Thanh lý, nhượng bán	-	2.754.742.567	-	-	-	2.754.742.567
Điều chuyển nội bộ	3.269.390	3.012.289.797	1.948.420.826	31.977.563	-	4.995.957.576
Loại khỏi biên chế	6.852.694.398	38.510.731	-	-	-	6.891.205.129
Phân loại lại	69.739.378	-	-	-	-	69.739.378
Số dư tại 30/06/2017	82.223.006.623	134.510.196.644	12.713.055.100	2.358.944.684	1.177.534.965	232.982.738.016
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2017	115.628.740.263	58.792.967.611	6.296.841.518	2.852.220.679	5.013.823.161	188.584.593.232
Tại 30/06/2017	122.625.176.105	54.662.721.128	4.237.285.354	2.696.327.679	5.013.823.161	189.235.333.427

Tổng nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại thời điểm 30/06/2017 là : 172.329.889.850 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2017	11.811.969.196	263.367.720	80.000.000	12.155.336.916
Tăng trong kỳ	-	-	2.307.239.560	2.307.239.560
Nhận Điều chuyển nội bộ	-	-	2.307.239.560	2.307.239.560
Giảm trong kỳ	2.307.239.560	-	-	2.307.239.560
Điều chuyển nội bộ	2.307.239.560	-	-	2.307.239.560
Số dư tại 30/06/2017	9.504.729.636	263.367.720	2.387.239.560	12.155.336.916
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2017	6.398.336.942	249.617.720	20.065.911	6.668.020.573
Tăng trong kỳ	-	7.500.002	459.860.786	467.360.788
Khấu hao trong kỳ	-	7.500.002	65.707.351	73.207.353
Nhận Điều chuyển nội bộ	-	-	394.153.435	394.153.435
Giảm trong kỳ	533.838.435	-	-	533.838.435
Điều chỉnh giảm	139.685.000	-	-	139.685.000
Điều chuyển nội bộ	394.153.435	-	-	394.153.435
Số dư tại 30/06/2017	5.864.498.507	257.117.722	479.926.697	6.601.542.926
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2017	5.413.632.254	13.750.000	59.934.089	5.487.316.343
Tại 30/06/2017	3.640.231.129	6.249.998	1.907.312.863	5.553.793.990

(*) Quyền sử dụng đất tại Xí nghiệp 8 và Khu đất tại số 1 ngách 64/3 Phan Đình Giót.

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	27.635.221.635	27.635.221.635	22.054.103.944	22.054.103.944
Nhà xưởng Xí nghiệp May 20B	9	9	59.013.645	59.013.645
Nhà xưởng Xí nghiệp Dệt Nam Định	11.911.320.728	11.911.320.728	5.531.189.481	5.531.189.481
Công trình cải tạo nhà xưởng XN may Bình Minh	-	-	5.582.997.727	5.582.997.727
Dự án cải tạo XN May 20C	15.535.861.309	15.535.861.309	10.526.234.981	10.526.234.981
Dự án cải tạo XN may đo quân đội	154.865.364	154.865.364	354.668.110	354.668.110
Dự án xây dựng cải tạo khác	33.174.225	33.174.225	-	-
Tổng	27.635.221.635	27.635.221.635	22.054.103.944	22.054.103.944

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a-DN

5.10 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		30/06/2017			01/01/2017		
	Vốn năm giữ	Quyên biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			1.659.000.000	1.659.000.000	-	1.659.000.000	1.659.000.000	-
- Công ty Cổ phần 199	33,4%	33,4%	1.659.000.000	1.659.000.000	-	1.659.000.000	1.659.000.000	-
Tổng			1.659.000.000	1.659.000.000	-	1.659.000.000	1.659.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a-DN

5.11 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Ngắn hạn	137.516.509.706	137.516.509.706	102.983.346.223	102.983.346.223
Phải trả người bán	122.129.927.534	122.129.927.534	102.677.839.906	102.677.839.906
Công ty Cổ phần 22	6.760.395.760	6.760.395.760	204.047.200	204.047.200
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Hà	4.277.628.569	4.277.628.569	2.588.884.281	2.588.884.281
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	47.404.955.701	47.404.955.701	23.764.038.969	23.764.038.969
Công ty TNHH MTV Dệt may 7	-	-	12.897.715.011	12.897.715.011
Công ty cổ phần 26	3.536.751.360	3.536.751.360	3.374.508.960	3.374.508.960
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Bộ Quốc Phòng	2.212.035.340	2.212.035.340	1.014.870.440	1.014.870.440
Công ty TNHH tổng hợp TM & DV Tuấn Phương	434.696.872	434.696.872	2.400.586.763	2.400.586.763
Các khách hàng khác	57.503.463.932	57.503.463.932	56.433.188.282	56.433.188.282
Người mua trả tiền trước	15.386.582.172	15.386.582.172	305.506.317	305.506.317
MAVEN FC CO.,LTD	322.431.137	322.431.137	-	-
SHINWOO TRADING CO., LTD	-	-	107.506.496	107.506.496
Cục Dân Quân Tự Vệ Xưởng may 7/5 cục Hậu cần - QCHC	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
Các khách hàng khác	40.000.000	40.000.000	-	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	137.516.509.706	137.516.509.706	102.983.346.223	102.983.346.223

5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2017 VND
Phải nộp	7.532.876.460	48.091.475.636	53.681.478.355	1.942.873.741
Thuế giá trị gia tăng	5.712.349.432	45.819.590.236	50.516.943.127	1.014.996.541
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.576.636.298	1.878.457.195	2.539.798.092	915.295.401
Thuế thu nhập cá nhân	24.203.203	390.428.205	402.049.609	12.581.799
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	219.687.527	-	219.687.527	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a-DN

5.13 Chi phí phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	18.934.653.755	4.779.138.352
Tiền thuê đất Quốc phòng	3.191.709.000	3.161.709.000
Tiền thuê nhà	-	268.755.000
Trích lương nghỉ phép	897.516.755	1.348.674.352
Cổ tức phải trả trên phần vốn nhà nước	14.845.428.000	-
Dài hạn	-	-
Tổng	18.934.653.755	4.779.138.352

5.14 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	69.925.389.035	63.936.688.497
Doanh thu nhận trước CT nhà chung cư	53.008.306.122	18.566.833.456
Doanh thu nhận trước các mặt hàng may mặc	16.917.082.913	45.369.855.041
Dài hạn	-	-
Tổng	69.925.389.035	63.936.688.497

5.15 Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	31.196.933.325	20.858.487.962
Kinh phí công đoàn	2.282.952.267	2.104.728.042
Bảo hiểm xã hội	914.434.159	34.294.664
Bảo hiểm y tế	108.379.997	1.504.454
Bảo hiểm thất nghiệp	45.214.824	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.845.952.078	18.717.960.802
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>326.683.776</i>	<i>65.155.176</i>
<i>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28</i>	<i>1.799.700.897</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Giang Nguyên</i>	<i>1.514.230.752</i>	<i>-</i>
<i>Vật tư chưa có hóa đơn GTGT</i>	<i>-</i>	<i>1.688.785.240</i>
<i>UBND Quận TX-Trung tâm PT quỹ đất và Duy tu CCTĐT</i>	<i>15.744.678.702</i>	<i>15.744.678.702</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>8.460.657.951</i>	<i>1.219.341.684</i>
Dài hạn	800.000.000	500.000.000
Phải trả dài hạn khác	800.000.000	500.000.000
Tổng	31.996.933.325	21.358.487.962

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a-DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2017		Phát sinh trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	240.000.000.000	240.000.000.000	156.605.016.423	107.915.329.447	191.310.313.024	191.310.313.024
Cục tài chính Bộ Quốc phòng	240.000.000.000	240.000.000.000	90.000.000.000	30.000.000.000	180.000.000.000	180.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	-	-	66.605.016.423	77.915.329.447	11.310.313.024	11.310.313.024
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng	240.000.000.000	240.000.000.000	156.605.016.423	107.915.329.447	191.310.313.024	191.310.313.024

5.17 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	1.313.778.222	-
Chi phí tiền lương dự phòng	1.313.778.222	-
Dài hạn	-	-
Tổng	1.313.778.222	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	172.500.000.000	51.270.092.691	-	37.341.607.339	261.111.700.030
Lãi trong năm	-	-	-	32.863.354.125	32.863.354.125
Trích lập các quỹ	-	3.722.379.528	-	(9.605.948.820)	(5.883.569.292)
Chia trả cổ tức	-	-	-	(24.150.000.000)	(24.150.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Số dư tại 31/12/2016	172.500.000.000	54.992.472.219	-	32.949.012.644	260.441.484.863
Số dư tại 01/01/2017	172.500.000.000	54.992.472.219	-	32.949.012.644	260.441.484.863
Lãi trong kỳ	-	-	-	16.570.018.054	16.570.018.054
Trích lập các quỹ	-	1.643.167.706	-	(8.515.837.650)	(6.872.669.944)
Chia trả cổ tức	-	-	-	(20.700.000.000)	(20.700.000.000)
Số dư tại 30/06/2017	172.500.000.000	56.635.639.925	-	20.303.193.048	249.438.832.973

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Cổ đông Nhà nước	72%	123.711.900.000	123.711.900.000
Cổ đông là Cán bộ, CNV Công ty	18%	31.855.100.000	31.855.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	3%	5.000.000.000	5.000.000.000
Các cổ đông khác	7%	11.933.000.000	11.933.000.000
Tổng		172.500.000.000	172.500.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	172.500.000.000	172.500.000.000
Cổ tức đã chia	20.700.000.000	24.150.000.000
Phân phối các quỹ	8.515.837.650	9.605.948.820

d. Cổ phiếu

	30/06/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu thành phẩm, hàng hóa đã bán	423.490.103.503	469.610.546.796
Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	3.257.838.245	2.117.540.786
Tổng	426.747.941.748	471.728.087.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a-DN

5.20 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	375.402.451.795	412.322.334.591
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	234.799.662	751.322.031
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.067.700.008)	-
Tổng	372.569.551.449	413.073.656.622

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.489.874	1.465.317.674
Cổ tức, lợi nhuận được chia	232.260.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.045.463	3.396.661
Tổng	265.795.337	1.468.714.335

5.22 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	410.295.271	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.578.981	7.509.211
Tổng	429.874.252	7.509.211

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp/ Chi phí bán hàng

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí bán hàng	8.097.503.040	7.978.831.849
Chi phí nhân viên bán hàng	392.863.982	366.119.402
Chi phí vật liệu, bao bì	2.381.247.006	2.555.968.378
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.606.123	15.879.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.816.876.755	1.935.113.486
Chi phí bằng tiền khác	3.496.909.174	3.105.751.083
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.606.804.902	33.327.256.482
Chi phí nhân viên quản lý	12.951.672.209	12.282.328.625
Chi phí vật liệu quản lý	826.052.850	618.861.651
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.106.588.118	1.008.671.076
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.127.122.986	1.260.666.779
Thuế phí và lệ phí	371.834.458	266.469.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.655.601.675	3.621.878.723
Chi phí bằng tiền khác	9.567.932.606	14.268.380.560
Tổng	35.704.307.942	41.306.088.331

5.24 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập khác	873.252.684	285.342.765
Thanh lý vật tư, máy móc thiết bị	-	161.180.000
Thu bảo hiểm bồi thường	740.973.991	-
Cho thuê nhà công vụ, máy thuê...	112.792.274	114.683.638
Thu nhập khác	19.486.419	9.479.127
Chi phí khác	920.449.212	120.252.896
Các khoản phạt, truy thu thuế	42.910.832	2.965.594
Chi phí từ hoạt động thanh lý, giảm TSCĐ	720.078.836	117.233.085
Chi phí khắc phục sản phẩm do bảo lũ	157.458.822	-
Chi phí khác	722	54.217
Tổng	920.449.212	120.252.896
Lãi (lỗ) hoạt động khác	(47.196.528)	165.089.869

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	283.854.665.067	347.577.838.479
Chi phí nhân công	104.733.598.790	118.844.371.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.051.033.001	10.105.299.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.325.841.966	13.097.756.758
Chi phí khác bằng tiền	11.012.365.662	16.498.548.949
Tổng	423.977.504.486	506.123.815.515

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
HĐQT và BKS	Thù lao và Thu nhập	1.020.905.607
Ban Giám đốc	Tổng Thu nhập	948.132.567

Số dư với các bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản phải thu			
Công ty Cổ phần 199	Công ty liên kết	-	4.550.923.792
Các khoản phải trả			
Công ty Cổ phần 199	Công ty liên kết	755.290.204	-

Giao dịch với bên có liên quan

Mua hàng	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Công ty Cổ phần 199	Mua vật tư, hàng hóa	16.844.591.781

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Công ty Cổ phần 199	Bán vật tư và cho thuê mặt bằng	982.318.083

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kỳ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập**Kế toán trưởng****Chủ tịch HĐQT****Hoàng Thị Thùy Linh****Tô Thị Kim Tuyền****Phạm Văn Đô**